

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn phường
Đồng Văn (vị trí số 02) phục vụ giải phóng mặt bằng
Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 27 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09
tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị
định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động
xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1183/TTr-STC
ngày 12 tháng 8 năm 2025 và kết quả thẩm định của Sở tại Văn bản số
1133/STC-TĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn phường
Đồng Văn (vị trí số 02) phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đường sắt tốc độ
cao trên trục Bắc – Nam, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn phường Đồng Văn
(vị trí số 02) phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục
Bắc - Nam.

2. Địa điểm xây dựng: Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Đồng Văn.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

- Tổ chức tư vấn khảo sát: Công ty TNHH Khảo sát - Thiết kế Toàn
Dương TH.

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Kiến trúc và Đầu tư xây dựng Bảo An.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Dự án nhóm C; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho dự án.

7. Mục tiêu dự án: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu tái định cư, ổn định đời sống các hộ dân bị ảnh hưởng bởi giải phóng mặt bằng Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trên địa bàn phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình.

8. Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng hệ thống đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật (*cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, cấp điện, chiếu sáng*) theo quy hoạch được phê duyệt, trong đó:

a) Đường giao thông

- Xây dựng 05 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 483,19 m, cụ thể như sau:

+ Tuyến N3: Chiều dài 121,11 m; quy mô mặt cắt ngang chiều rộng 17,0 m, trong đó chiều rộng lòng đường 7,0 m, chiều rộng hè đường $(2 \times 5,0)m = 10,0$ m.

+ Tuyến N4: Chiều dài 81,78 m; quy mô mặt cắt ngang chiều rộng 13,0 m, trong đó chiều rộng lòng đường 7,0 m, chiều rộng hè đường $(2 \times 3,0)m = 6,0$ m.

+ Tuyến N5: Chiều dài 45,34 m; quy mô mặt cắt ngang chiều rộng 13,0 m, trong đó chiều rộng lòng đường 7,0 m, chiều rộng hè đường $(2 \times 3,0)m = 6,0$ m.

+ Tuyến D2: Chiều dài 129,01 m; quy mô mặt cắt ngang chiều rộng 13,0 m, trong đó chiều rộng lòng đường 7,0 m, chiều rộng hè đường $(2 \times 3,0)m = 6,0$ m.

+ Tuyến D3: Chiều dài 105,95 m; quy mô mặt cắt ngang chiều rộng 13,0 m, trong đó chiều rộng lòng đường 7,0 m, chiều rộng hè đường $(3,0 + 1,0)m = 4,0$ m.

- Nền đường: Đắp nền đường đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; lớp 50 cm tiếp giáp đáy móng đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$.

- Mặt đường: Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa, $E_{yc} \geq 120$ Mpa.

- Bó vỉa, đan rãnh, hè đường: Kết cấu bằng bê tông xi măng.

- Hạ tầng kỹ thuật sau lô đất: Kết cấu bê tông xi măng trên lớp cát tạo phẳng và nền đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$.

- Bố trí hệ thống an toàn giao thông tuân thủ các quy định hiện hành.

b) Hạ tầng kỹ thuật: Bố trí hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng đồng bộ, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, trong đó:

- Thoát nước mưa: Gồm hệ thống hố ga thăm, ga thu, cửa xả, cống tròn D300, D600, D800; nước mưa được thu gom và thoát ra kênh tiêu hiện trạng.

- Thoát nước thải: Gồm hồ ga, tuyến ống HDPE D300 bố trí trên hè đường và tại khe kỹ thuật phía sau các lô đất.

- Cấp nước: Nguồn cấp từ đường ống cấp nước trên đường trục tổ dân phố Giáp Nhì (*phía Bắc của dự án*), mạng lưới cấp nước cho dự án sử dụng ống HDPE DN110 PN10 và DN50 PN10.

- Thông tin liên lạc: Bằng ống UPVC D110 kết hợp hồ ga thăm.

- Cấp điện, chiếu sáng: Xây dựng đường dây 0,4 kV gồm các cột điện hạ thế, tủ bao công tơ, tuyến cáp hạ ngầm,... (*điểm đấu cáp điện tại thôn Nhì*); cột chiếu sáng bằng thép mạ kẽm, đèn chiếu sáng sử dụng đèn cao áp LED tiết kiệm điện.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 41:2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu;
- TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 13567:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;
- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Báo hiệu đường bộ;
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;
- TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài;
- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư: 9.992,3 triệu đồng (*Chín tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	7.701,8	triệu đồng;
- Chi phí thiết bị:	395,9	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	234,9	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	761,7	triệu đồng;
- Chi phí khác:	422,2	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	475,8	triệu đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm (2025÷2026).

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 1,17 ha.
- Dự án không phải thực hiện giải phóng mặt bằng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo Quyết định phê duyệt này và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 1133/STC-TĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025; tập trung, khẩn trương triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu tiến độ khởi công dự án nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công, Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02 tháng 9 năm 1945 - 02 tháng 9 năm 2025); chỉ được thi công theo đúng tiến độ cấp vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Văn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP,
các PCVP và các VP: 2,3,5;
- Lưu: VT, VP4.

ĐL_VP4_09.QĐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Sơn